

問題 10 次の(1)から(5)の文章を読んで、後の問いに対する答えとして最もよいものを、  
1・2・3・4から一つ選びなさい。

(1)

以下は、ある山の案内である。

### 秋森山

秋森山は高さ約 600 メートルで、頂上<sup>ちようじょう</sup>まで約 4 キロメートルの緩やかな<sup>ゆる</sup>登山道が続いています。途中、動物の姿<sup>すがた</sup>に見える犬岩<sup>いぬいわ</sup>や猿岩<sup>さるいわ</sup>、舞台<sup>ぶたい</sup>のように大きく平らな岩もあり、おもしろい形の岩を探しながら登る楽しさがあります。

登山道では、四季を通じてさまざまな植物を楽しめるほか、春から初夏にかけては多くの野島を観察することもできます。秋の紅葉は格別で、山全体に鮮やかな景色が広がります。そのため、この時期には多くの登山客が訪れています。

**53** この案内から、秋森山についてどんなことがわかるか。

- 1 高さ 600 メートルの山の頂上に大きく平らな岩がある。
- 2 登山をしながら、いろいろな形の岩を見ることができる。
- 3 四季それぞれに異なる野島を観察することができる。
- 4 登山道が緩やかなため、いつも多くの登山客が訪れている。

## Học online cùng Anh sensei

Dưới đây là bài hướng dẫn viết về một ngọn núi.

### Núi Akimori

Núi Akimori ở độ cao khoảng 600 m, có một đường lên thoải khoảng 4 km chạy dài đến tận đỉnh núi. Ở giữa đường lên, có thể tận hưởng cảm giác vừa leo núi vừa tìm kiếm những tảng đá có hình thù rất thú vị, chẳng hạn những tảng đá hình giống động vật như đá hình khỉ, đá hình chó, rồi những tảng đá lớn, bằng phẳng trông tựa như một sân khấu ngoài trời.

Trên con đường lên núi, ngoài việc chiêm ngưỡng rất nhiều loài thực vật suốt bốn mùa, thì bạn còn có thể quan sát các loài chim hoang dã từ mùa xuân đến khoảng đầu mùa hè. Lá đỏ vào mùa thu ở đây rất đặc biệt, cả vùng núi được bao phủ bởi một cảnh sắc rực rỡ. Vì thế, rất nhiều khách leo núi đến đây vào thời kì này.

**Câu hỏi** Từ bài hướng dẫn này, điều chúng ta biết được về núi Akimori là gì?

1 Có tảng đá to và bằng phẳng ở trên đỉnh của ngọn núi cao 600 m.

② Có thể vừa leo núi, vừa quan sát các tảng đá với nhiều hình thù khác nhau. → Đáp án đúng.

3 Có thể quan sát các loài chim hoang dã khác nhau vào từng mùa.

4 Vì đường lên núi thoải nên luôn luôn có nhiều khách leo núi đến.

**ヒント** おもしろい形の岩を探しながら登る楽しさがあります。

(2)

しばしば作文にはお手本のようなものが示されることがありますが、私は、これはナンセンス<sup>(注)</sup>だと思います。文章の形式的なことならばともかく、内容にまで触れて、このように「書くべき」とか、このように書けば評価されるというマニュアルは<sup>たいてき</sup>大敵です。なぜなら、マニュアルには、あなたにしか書けないことをすべて否定してしまうことにつながる可能性があるからです。自分に見えるもの、少しでも人とは違って見えるもの、それにこだわしましょう。

(注) ナンセンス：意味がないこと

**54** お手本のようなものによって、作文はどのような可能性があるか。

- 1 誰からも高い評価を得られやすくなる。
- 2 文章の形式にこだわりすぎたものになる。
- 3 自分の視点や主張がわかりやすくなる。
- 4 自分にしか書けないことが書けなくなる。

## Học online cùng Anh sensei

Rất hay có việc những thứ mang tính khuôn mẫu được biểu hiện trong quá trình viết văn, nhưng cá nhân tôi cho rằng, việc đó là vô nghĩa. Nếu là những thứ mang tính hình thức của bài văn thì không nói làm gì, nhưng nếu là những hướng dẫn kiểu “nên viết như thế này thì mới có thể chạm đến nội dung” hoặc “viết thế này mới được đánh giá cao hơn”, thì chúng sẽ là “kẻ thù” ghê gớm của chúng ta. Tại sao lại như vậy, là bởi vì những hướng dẫn đó có khả năng dẫn đến việc phủ nhận tất cả những thứ mà chỉ bạn mới có thể viết. Hãy chú ý sát sao những gì bạn thấy bên trong bạn, những gì bạn thấy cho dù có hơi khác với những người còn lại.

**Câu hỏi** Do những thứ như khuôn mẫu, mà việc viết văn có khả năng sẽ trở nên như thế nào?

1 Trở nên có thể dễ dàng nhận được đánh giá cao từ bất cứ ai.

2 Trở nên quá chú trọng vào hình thức bài văn.

3 Trở nên dễ hiểu được quan điểm, ý kiến của bản thân.

④ Trở nên không thể viết được những thứ mà chỉ bản thân mới có thể viết. → Đáp án đúng.

**ヒント**なぜなら、マニュアルには、あなたにしか書けないことをすべて否定してしまうことにつながる可能性があるからです。

マニュアル＝手本のようなもの

(3) 以下は、ある学生寮の掲示板に掲示された文書である。

2017 年 12 月 1 日	
寮生各位	学生寮管理室
<b>年末のごみの収集について</b>	
<p>年内のごみの収集は、12 月 27 日（水）が最終日となります。</p> <p>大掃除や引越し等で多量のごみを出す場合は、22 日（金）までに管理室までご連絡ください。</p> <p>また、大型ごみを捨てる場合は、各自で市の清掃局へ収集の申し込みが必要です。収集日は清掃局から指定されますので、管理室にもお知らせください。なお、年内収集の申し込みは 18 日（月）が締め切りとのことです。</p> <p>ご協力をよろしくお願いします。</p>	

**55** 年内に大型ごみを捨てたい寮生は、どうするように言われているか。

- 1 12 月 18 日までに清掃局に収集を申し込み、収集日を管理室に連絡する。
- 2 12 月 18 日までに管理室に連絡し、年内の収集が可能かどうか確認する。
- 3 12 月 22 日までに清掃局に収集を申し込み、収集日がいつか確認する。
- 4 12 月 22 日までに管理室に連絡し、清掃局への収集申し込みを依頼する。

Dưới đây là văn bản được đăng trên bảng tin của một ký túc xá sinh viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017

Phòng quản lý ký túc xá sinh viên gửi các bạn sinh viên

**VỀ VIỆC THU GOM RÁC CUỐI NĂM**

Việc thu gom rác trong năm sẽ hạn cuối vào thứ tư, ngày 27 tháng 12.

Trường hợp vớt rác lượng lớn, chẳng hạn như rác khi chuyển nhà hoặc tổng vệ sinh, hãy liên lạc với Phòng quản lý trước ngày 22 (thứ sáu).

Trường hợp vớt rác cỡ lớn, mỗi cá nhân sẽ cần đăng ký thu gom với Cục vệ sinh của thành phố.

Vì ngày thu gom được thành phố chỉ định, nên hãy thông báo cả điều này cho Phòng quản lý.

Ngoài ra, hạn đăng ký thu gom rác này là ngày 18 (thứ hai).

Rất mong nhận được sự hợp tác.

**Câu hỏi** Các sinh viên sống ở ký túc xá muốn vớt rác cỡ lớn cần làm như thế nào?

① Đăng ký thu gom rác với Cục vệ sinh cho đến ngày 18 tháng 12, liên lạc ngày thu gom với Phòng quản lý. → Đáp án đúng.

2 Đăng ký thu gom rác với Phòng quản lý cho đến ngày 18 tháng 12, xác nhận việc thu gom rác trong năm có thể làm được hay không.

3 Đăng ký thu gom rác với Cục vệ sinh cho đến ngày 22 tháng 12, xác nhận xem ngày thu gom là khi nào.

4 Đăng ký thu gom rác với Phòng quản lý cho đến ngày 22 tháng 12, nhờ đăng ký thu gom với Cục vệ sinh.

**ヒント** また、大型ごみを捨てる場合は、各自で市の清掃局へ収集の申し込みが必要です。収集日は清掃局から指定されますので、管理室にもお知らせください。なお、年内収集の申し込みは18日（月）が締め切りとのことです。

(4)

いいアイデアが出ると、すぐに実行しないと気がすまない私は、もちろん、成功の可能性が高いと予測して実行に移すのだが、そのときに失敗の可能性を考えていないわけではない。

人間のすることに失敗はつきもの<sup>(注1)</sup>で、トラブルに巻き込まれる<sup>(注2)</sup>こともあるから、ときにはどうしても避けられない形で失敗が訪れる。経営の現場でより重要なのは、その失敗をいかに<sup>(注3)</sup>うまく処理できるかということである。あらかじめ失敗を想定<sup>(注4)</sup>しているからこそ、適切な処理も可能となる。

(注1) つきもの：ここでは、避けられないもの

(注2) トラブルに巻き込まれる：トラブルに遭う

(注3) いかに：どのように

(注4) 想定する：ここでは、起こるものとして考える

**56** 経営の現場における失敗について、筆者はどのように述べているか。

- 1 いいアイデアすぐに実行しないと失敗する。
- 2 失敗は、予測できれば避けることが可能である。
- 3 失敗の可能性を考えておけば、うまく対応できる。
- 4 失敗を適切に処理するには、失敗の経験が役に立つ。

Tôi là một người nếu như có ý tưởng gì đó hay ho mà không thực hiện ngay sẽ cực kì khó chịu. Vậy nên đương nhiên là tôi sẽ dự đoán khả năng thành công cao rồi mới chuyển sang giai đoạn thực hiện, thế nhưng điều đó không có nghĩa là lúc ấy tôi không nghĩ đến khả năng thất bại.

Thất bại trong những việc mà con người làm là thứ không thể tránh khỏi, vì đôi khi chúng ta bị mắc vào những rắc rối, nên kiêu gì thì kiêu, những thất bại cũng sẽ “ghé thăm” chúng ta dưới dạng ta không thể tránh được. Điều quan trọng hơn cả trong việc quản trị, đó là việc chúng ta xử lý thất bại đó như thế nào. Chính vì ta đã lường trước thất bại, mà việc có thể xử lý thích hợp cũng trở nên khả thi.

**Câu hỏi** Về những thất bại trong kinh doanh, tác giả bày tỏ ý kiến như thế nào?

1 Ý tưởng hay nếu không thực hiện ngay thì sẽ thất bại.

2 Thất bại nếu có thể đoán trước, thì việc tránh thất bại đó là khả thi.

③ Nếu lường trước khả năng gặp thất bại, thì có thể ứng phó hợp lý. → Đáp án đúng.

4 Để xử lý những thất bại một cách thích hợp, những trải nghiệm thất bại sẽ có ích.

**ヒント** あらかじめ失敗を想定しているからこそ、適切な処理も可能となる。

あらかじめ失敗を想定する = 失敗の可能性を考えておく

うまく対応できる = 適切な処理も可能となる



(5)

自動車で旅して歩くことを、鉄道の旅よりも良いと感じる所以<sup>ゆえん</sup> (注1) は、いつ出発してもいいし、どこでどれだけ立ち止まってもいいということである。鉄道の車窓から、あ、良い風景！と感心<sup>かんしん</sup> (注2) したとて、それは一瞬<sup>いつしゆん</sup>のうちに後方に流れ去って実際にその場所に立ってそれを味わうことは事実上不可能である。だから鉄道の車窓の風景は一種の「幻<sup>まぼろし</sup>」 (注3) だと言ってもよい。

しかし、名も無き道を、ゆっくりとドライブして、その行く先々に発見する風景は、自在に立ち止まり、そして一日でも眺<sup>なが</sup>めることができる。

(注1) 所以<sup>ゆえん</sup>：理由

(注2) 感心したとて：感心したとしても

(注3) 幻<sup>まぼろし</sup>：あるように見えて、実際には存在しないもの

(注4) 自在に：自由に

**57** 筆者は自動車の旅のどのような点がいいと思っているか。

- 1 人が行かない道を行って、誰も見たことのない風景を発見できる点
- 2 好きなときに好きなだけ立ち止まって風景を眺められる点
- 3 見たいと思っていた風景を遠回りせずに見に行ける点
- 4 窓の外に流れる美しい風景を眺められる点

## Học online cùng Anh sensei

Lí do mà ta cảm thấy việc đi du lịch bằng ô tô tốt hơn những chuyến đi bằng đường tàu, đó là vì ta có thể xuất phát bất cứ lúc nào, dừng lại ở bất kì đâu và trong bao lâu cũng được. Cho dù ta có trầm trồ “Ôi, cảnh đẹp quá” từ cửa tàu, thì trong chớp mắt khung cảnh đó sẽ chạy lùi về phía sau, việc ta đứng tại chỗ đó để “thưởng thức” về mặt thực tế là điều không thể. Vì vậy, có thể nói khung cảnh nhìn từ ô cửa tàu là một loại ảo ảnh.

Tuy nhiên, bạn có thể lái xe chậm rãi trên một con đường không tên xa lạ, khung cảnh bạn khám phá ra tại nơi đó sẽ luôn đứng im như thế, và bạn có thể ngắm chúng cả ngày.

**Câu hỏi** Tác giả cho rằng chuyến đi bằng ô tô tốt ở điểm nào?

1 Ở điểm có thể đi trên những con đường không ai đi, có thể khám phá ra những cảnh sắc chưa ai từng thấy.

② Ở điểm nếu thích có thể dừng lại ngắm bao lâu tùy thích. → **Đáp án đúng.**

3 Ở điểm có thể đi ngắm những phong cảnh mình muốn mà không cần phải đi xa lòng vòng.

4 Ở điểm có thể ngắm cảnh đẹp đang trôi dần phía ngoài cửa xe.

**ヒント** 名も無き道を、ゆっくりとドライブして、その行く先々に発見する風景は、自在に立ち止まり、そして一日でも眺めることができる。

問題 11 次の(1)から(3)の文章を読んで、後の問いに対する答えとして最もよいものを、  
1・2・3・4から一つ選びなさい。

(1)

大学で「よく学び、よく遊ぶ」ためには、時間の使い方が重要です。「大学生の楽しさ」に目覚めると、本当に忙しくなります。講義だけなら、宿題が出されたり授業中に当てられたりした高校時代のほうが、よほど大変です。大学の講義の多くは、聞いていれば済むし、たまに意見を求める教員がいても、受講する前に勉強してこなかったからと責める教員はいませんから、やりすごし<sup>(注1)</sup>さえすれば終わりです。だから、講義だけ見れば、一定時間教室に「拘束<sup>(注2)</sup>」される<sup>こうそく</sup>ことを除けば、ほとんど苦痛はありません。しかし、こうして講義をただ聴<sup>き</sup>いているだけでは、得られることもごく限られます。ときどき「高校時代の授業のほうが充実していた」と考える人がいるのは、そのためです。

しかし、大学で講義している教員は、講義内容よりもはるかにレベルの高い、広い知識を持っているのが普通で、講義ではそのうちの基本的なことだけを伝えているにすぎません。出し惜<sup>お</sup>しみしている<sup>(注3)</sup>のではなく、学生の理解力と講義時間の制約<sup>(注4)</sup>によって、そうせざるをえない<sup>(注5)</sup>のです。だから、講義で興味<sup>きょうみ</sup>を抱いたり疑問を感じたことがあれば、教員の研究室を訪ねて質問すると、驚<sup>おどろ</sup>くほど豊富な話をしてもらえます。

学生らしい大学生活を送るには、こうした「講義からはみだす時間」も必要ですし、将来の就職活動に備えて、在学中にやっておきたいことのための時間も要ります。

これらを計画的に組み立てれば、無駄<sup>むだ</sup>も省け、時間的にも気持ちのうえでも「ゆとり」<sup>(注6)</sup>が生まれます。

(注1) やりすごす：ここでは、ただ時間が過ぎるのを待つ

(注2) 拘束<sup>こうそく</sup>される：ここでは、いなければならない

(注3) 出し惜<sup>お</sup>しみしている：ここでは、伝えることができるのに伝えない

(注4) 制約：制限

(注5) そうせざるをえない：そうするしかない

(注6) ゆとり<sup>よゆう</sup>：余裕

**58** 大学の講義について、筆者の考えに合うのはどれか。

- 1 出席しなくても責められない。
- 2 聞いていれば済む講義もある。
- 3 高校の授業のほうが充実している。
- 4 講義で意見を求められることはない。

**59** こうした「講義からはみだす時間」とは、講義時間外に何をする時間か。

- 1 教員に将来について相談に乗ってもらう。
- 2 教員に質問をして講義内容の理解を深める。
- 3 教員と講義以外のことについての会話を楽しむ。
- 4 教員から講義内容の基本的なことを教えてもらう。

**60** 筆者の言いたいことは何か。

- 1 講義より自分のやりたいことに時間を使ったほうがいい。
- 2 時間を計画的に使って、就職活動に備えたほうがいい。
- 3 講義にしっかり出て、学生らしい大学生活を送ることが大切だ。
- 4 大学生活を充実させるには、時間を計画的に使うことが大切だ。

## Học online cùng Anh sensei

Cách sử dụng thời gian rất quan trọng để có thể “học hết sức, chơi hết mình” ở bậc đại học. Một khi xác định bắt đầu với niềm vui là một sinh viên đại học, bạn sẽ trở nên thực sự bận rộn. Nếu chỉ là bài giảng, thì thời cao trung (THPT) còn vất vả hơn với rất nhiều bài tập được đưa ra, bạn cũng rất hay bị giáo viên gọi trả lời trong giờ học. Phần lớn các bài giảng tại trường đại học thì chỉ cần nghe là được, dù đôi lúc cũng có những giảng viên sẽ hỏi ý kiến sinh viên, nhưng vì không có giảng viên nào trách “cậu không học bài trước giờ lên lớp”, nên cũng chỉ cần chờ hết tiết là xong. Vì vậy, nếu chỉ nhìn vào bài giảng, thì học đại học hầu như chẳng có khó khăn, gian khổ nào cả (nếu loại trừ đi việc bị buộc phải ngồi tại lớp trong một khoảng thời gian nhất định). Tuy nhiên, nếu chỉ toàn nghe những bài giảng như vậy, những gì nhận được sẽ cực kì hạn chế. Đôi lúc có người cho rằng giờ học thời cao trung còn ý nghĩa hơn là vì lí do này.

Thế nhưng, thường thì giáo viên giảng dạy tại trường đại học có kiến thức sâu rộng, có một trình độ cao hơn hẳn so với nội dung bài giảng, vì vậy trong quá trình giảng dạy, chỉ là họ đang truyền tải những điều cơ bản nhất trong số kiến thức đó thôi. Không phải họ giấu tài không muốn truyền tải, mà do khả năng lĩnh hội của sinh viên, do hạn chế bởi thời gian của bài giảng nên họ buộc phải làm như thế. Vì vậy, nếu có điều gì cảm thấy còn nghi vấn, hoặc có hứng thú gì đó với nội dung bài giảng, khi bạn đến phòng nghiên cứu của giảng viên và hỏi họ, sẽ được nghe những câu chuyện với nội dung phong phú đến mức bạn phải ngạc nhiên.

Để có một đời sống thời đại học đậm chất sinh viên, cần những khoảng thời gian bước ra khỏi bài giảng như thế. Ngoài ra, cũng cần thời gian dành cho những việc bản thân muốn làm trong thời gian học để phục vụ cho quá trình tìm việc tương lai sau này.

Nếu chuyên tâm vào những điều này một cách có kế hoạch, có thể loại bỏ bớt những điều lãng phí vô ích, thậm chí còn có được cảm xúc dư dả về mặt thời gian.

## Học online cùng Anh sensei

**Câu hỏi 1** Về bài giảng ở bậc đại học, điều nào hợp với suy nghĩ của người viết?

1 Dù không tham dự cũng sẽ không bị trách mắng.

② Cũng có những bài giảng chỉ cần ngồi nghe là được. → Đáp án đúng

3 Các giờ học thời cao trung trọn vẹn, ý nghĩa hơn. (Đây chỉ là ý kiến của một số người)

4 Không có việc được yêu cầu nêu ý kiến trong giờ học.

(Văn thỉnh thoảng có giảng viên yêu cầu)

**ヒント**大学の講義の多くは、聞いていれば済むし

**Câu hỏi 2** “Thời gian bước ra khỏi bài giảng như thế” là thời gian làm gì ngoài thời gian học?

1 Được cùng giảng viên trao đổi về tương lai.

② Hỏi giảng viên để làm sâu sắc hơn sự hiểu biết với nội dung bài giảng. → Đáp án đúng

3 Vui hội thoại với giảng viên về những điều ngoài nội dung bài giảng.

4 Được giảng viên chỉ cho những điều cơ bản trong nội dung bài giảng.

**ヒント**だから、講義で興味を抱いたり疑問を感じたことがあれば、教員の研究室を訪ねて質問すると、驚くほど豊富な話をしてもらえます。

**Câu hỏi 3** Điều muốn nói của người viết là gì?

1 Tốt hơn thì nên sử dụng thời gian cho những việc bản thân muốn làm hơn là cho các bài giảng.

2 Tốt hơn thì nên sử dụng thời gian một cách có kế hoạch, chuẩn bị cho hoạt động tìm kiếm việc làm.

3 Điều quan trọng là tham gia bài giảng một cách nghiêm túc, sống một đời sống đậm chất sinh viên.

④ Để làm trọn vẹn đời sống sinh viên, thì điều quan trọng là sử dụng thời gian một cách có kế hoạch. → Đáp án đúng

**ヒント**学生らしい大学生活を送るには、…。これらを計画的に組み立てれば、無駄も省け、時間的にも気持ちのうえでも「ゆとり」が生まれます。

(2)

以下は、ある作家が書いた文章である。

人に対して好き嫌いの感情を持つことは誰<sup>だれ</sup>にもあることだ。それを否定することはない。だが、好きな人とばかりつきあってビジネス生活を送ることははっきり言って不可能なのである。

分析<sup>ぶんせき</sup>してみると、好きな人とはつまり話が合う人で、自分と考え方が似ているケース<sup>(注1)</sup>が多い。そして、嫌いな人とは考え方が合わない人がほとんど。

嫌い、もしくは<sup>(注2)</sup>考え方が合わない人は、自分とは違う発想をしているわけで、じっくり話を聞いてみると、面白い見方、魅力<sup>みりょく</sup>ある発見を教えてくれることがある。

私自身、取材をしていて、最初は「感じ悪いな、こいつは」と思った人物が話をしていくうちに、「なるほど」といった情報を教えてくれたことがある。そうすると、取材が終わったころには、「この人はいい人だ」と判断を変えてしまうのだから、人間の好悪の感情なんて実にいい加減なものだ。

初めての人に会ったときは好き嫌いの感情を抜きにすること。素直<sup>すなお</sup>に人を見て、話を聞いて、そして、面白い話を聞くことができたなら相手に共感する<sup>(注3)</sup>。そうすると人は謙虚<sup>けんきょ</sup>になっていく。なんといっても仕事に役立つヒントをもらったわけだから、相手を尊敬<sup>そんけい</sup>するようになる。それが続くうちに人は出会った相手を尊重<sup>そんちょう</sup>し、関係を大切に作る人間に変わっていく。そういった人間になってしまえば、他人からも信頼されるし親しまれるだろう。

(注1) ケース：場合

(注2) もしくは：または

(注3) ～に共感する：～と同じように感じる

**61** 嫌いな人と話すことについて、筆者はどのように述べているか。

- 1 話してみると、自身とは違う見方や発見を得られる。
- 2 話す機会が増えるにつれて、だんだん考え方が似てくる。
- 3 好き嫌いの感情を持つのは当然なので、積極的に話す必要はない。
- 4 自身の考え方の間違いを指摘してくれるので、話したほうがいい。

**62** 筆者が取材の体験を通してわかったことは何か。

- 1 話を聞くうちに、どんな相手もいい人だと思えるようになる。
- 2 いい人だと思って話せば、相手から役立つ情報が得られる。
- 3 相手に対する好き嫌いの感情は人それぞれだ。
- 4 相手に対する好き嫌いの感情は変わることがある。

**63** 筆者の言いたいことは何か。

- 1 謙虚な態度でつきあっていれば、相手から尊敬されるようになる。
- 2 相手から信頼されるには好き嫌いの感情を素直に表すことが必要だ。
- 3 初対面のときは相手に好き嫌いの感情を持たないほうがいい。
- 4 初対面のときの感情を大切にしなければ、相手といい関係を築けない。



Dưới đây là bài mà một nhà văn đã viết.

Việc mang cảm xúc yêu ghét đối với người khác là việc mà ai cũng có. Tôi không phủ định điều đó. Thế nhưng việc sống “kiểu kinh doanh” – kiểu sống mà chỉ kết nối với những người bản thân thấy thích, thì tôi sẽ nói rõ ở đây là điều không thể thực hiện được.

Nếu thử phân tích, thì có nhiều trường hợp những người bạn thích là những người nói chuyện hợp, hoặc cách suy nghĩ của họ tương đồng với bạn. Những người bạn ghét thì phần lớn là do cách suy nghĩ khác nhau.

Những người bạn ghét, hay người mà không hợp suy nghĩ, vì họ luôn có những ý tưởng khác với bạn, nên nếu thử dành thời gian lắng nghe câu chuyện của họ một cách kĩ càng, thì đôi khi họ sẽ chỉ cho bạn thấy những phát hiện đầy thu hút, những quan điểm rất thú vị.

Bản thân tôi khi lấy đề tài viết bài, trong lúc nhân vật (mà ban đầu tôi nghĩ là “thằng cha này có cảm giác ghét ghét”) đang nói, cũng từng có lần tôi được chỉ cho những thông tin khiến tôi tỉnh người “à, ra vậy”. Cứ như thế, vào lúc việc lấy đề tài viết bài hoàn tất, vì tôi sẽ thay đổi nhận định của bản thân sang hướng “người này là người tốt”, nên cái cảm xúc yêu ghét một ai đó, là thứ thực sự vô nghĩa.

Khi gặp ai đó lần đầu tiên, hãy vứt cái cảm xúc yêu ghét đó đi. Chân thành nhìn người đó, lắng nghe câu chuyện của họ. Nếu được nghe câu chuyện thú vị, bạn sẽ đồng cảm với họ. Cứ như thế, con người ta sẽ ngày càng trở nên khiêm nhường. Nói gì thì nói, vì bạn đã được nhận một “gợi ý” giúp ích cho công việc, vì vậy bạn cũng sẽ trở nên tôn trọng người đối diện. Trong quá trình điều đó được tiếp diễn, con người ta sẽ quý trọng người mà họ gặp, và họ cũng trở thành một người biết trân trọng các mối quan hệ. Nếu trở thành một con người như vậy, thì có lẽ cũng sẽ được người khác yêu quý và tin tưởng lại.

## Học online cùng Anh sensei

**Câu hỏi 1** Về việc nói chuyện với người mình không ưa, tác giả trình bày như thế nào?

① Nếu thử nói chuyện, có thể nhận được những phát kiến, những cách nhìn nhận khác với bản thân. → Đáp án đúng

2 Cơ hội trò chuyện càng tăng thì cách suy nghĩ càng trở nên tương đồng.

3 Việc có cảm xúc yêu ghét một ai đó vì là điều đương nhiên, nên không cần phải nói chuyện với người đó một cách tích cực.

4 Vì họ sẽ chỉ ra chỗ sai trong cách suy nghĩ của bản thân ta, vì vậy nên nói chuyện với họ.

**ヒント** 嫌い、もしくは考え方が合わない人は、自分とは違う発想をしているわけで、じっくり話を聞いてみると、面白い見方、魅力ある発見を教えてくれることがある。

**Câu hỏi 2** Điều mà người viết hiểu ra thông qua quá trình trải nghiệm lấy đề tài viết bài là gì?

1 Trong lúc nghe câu chuyện, sẽ thay đổi suy nghĩ và nghĩ rằng ai cũng là người tốt.

2 Nếu nói chuyện với người mình nghĩ là người tốt, sẽ có thể nhận được những thông tin có ích từ đối phương.

3 Cảm xúc yêu ghét với người đối diện khác nhau tùy vào mỗi người.

④ Cũng có lúc cảm xúc yêu ghét với người đối diện thay đổi. → Đáp án đúng

**ヒント** そうすると、取材が終わったころには、「この人はいい人だ」と判断を変えてしまうのだから。

**Câu hỏi 3** Điều mà người viết muốn nói là gì?

1 Nếu kết giao bằng một thái độ khiêm nhường, sẽ được đối phương tôn trọng.

2 Để được đối phương tin tưởng, thì việc thể hiện một cách chân thành cảm xúc yêu ghét là điều cần thiết.

③ Khi gặp mặt lần đầu tiên, không nên mang cảm xúc yêu ghét với đối phương. → Đáp án đúng

4 Nếu không trân trọng cảm xúc khi gặp mặt lần đầu tiên, sẽ không thể xây dựng mối quan hệ tốt với đối phương.

**ヒント** 初めての人に会ったときは好き嫌いの感情を抜きにすること。

(3)

「鉛筆<sup>えんぴつ</sup>でかいたのになぜ消えないの。」

小学校の写生大会で、画用紙に鉛筆<sup>えんぴつ</sup>で下書きをし、水性絵の具で色をぬった後、下書きを消しゴムで消そうとしたのに消えなかったときに思ったことだ。不思議だと思うと同時に、絵が思ったように仕上げられずがっかりした。

この疑問に対する答えを、最近、あるホームページで見つけた。そのページには、まず普通の鉛筆<sup>えんぴつ</sup>は消しゴムで消せるのに、なぜ色鉛筆<sup>いろえんぴつ</sup>は消せないのかという説明が書いてあった。

その説明によると、それは普通の鉛筆<sup>えんぴつ</sup>と色鉛筆<sup>いろえんぴつ</sup>の芯<sup>しん</sup> (注1) の材料が異なっているためだそう。鉛筆<sup>えんぴつ</sup>は黒鉛<sup>こくえん</sup>と粘土<sup>ねんど</sup>から、色鉛筆<sup>いろえんぴつ</sup>は顔料<sup>いろえんぴつ</sup>とロウ (油分) からできている。黒鉛<sup>こくえん</sup>と顔料は、色の元になるものである。紙に書かれた文字の状態をそれぞれ簡単に説明すると、前者は細かく砕かれた<sup>くだ</sup> (注2) 黒鉛が紙の表面にくっついている状態であり、後者は顔料が紙の中に油とともにしみ込んでいる状態だそう。したがって、表面にくっついているだけの黒鉛<sup>こくえん</sup>は、消しゴムで擦る<sup>こす</sup>ことで、紙から引き離すことができる。一方、しみ込んだ顔料は引き離すことができない。

そして最後に、鉛筆<sup>えんぴつ</sup>の下書きが水性絵の具で色をぬった後に消せない理由が説明されていた。鉛筆<sup>えんぴつ</sup>の下書きが消せないのは、水性絵の具を溶かすのに使う水のせいだそう。この水が、色鉛筆<sup>いろえんぴつ</sup>の芯<sup>しん</sup>の油分と同じ役割を果たすという。水も油も紙にしみ込みやすいのだ。

(注1) 芯<sup>しん</sup>：ここでは、鉛筆、色鉛筆の中心部分

(注2) 砕く<sup>くだ</sup>：強い力を加えて、固い物やかたまりになっている物を細かくする

**64** がっかりしたとあるが、なぜか。

- 1 不思議だと思ったことの原因がわからなかったから
- 2 水性絵の具で思ったように色がぬれなかったから
- 3 鉛筆で絵が上手にかけなかったから
- 4 鉛筆の下書きが消せなかったから

**65** 普通の鉛筆で書いた文字を消しゴムで消すとは、どうすることか。

- 1 紙の表面にくっついた黒鉛を、紙から引き離す。
- 2 紙の表面にくっついた黒鉛を、細かく砕いて見えなくする。
- 3 紙の中にしみ込んだ黒鉛を、紙から引き離す。
- 4 紙の中にしみ込んだ黒鉛を、さらにしみ込ませて見えなくする。

**66** 水性絵の具で色をぬった後に、鉛筆の下書きが消せないのはなぜか。

- 1 黒鉛が細かくくだかれていて取り除けないから
- 2 絵の具で黒鉛が紙の表面にくっついたから
- 3 水によって黒鉛が紙にしみ込んだから
- 4 黒鉛が油分と同じ働きをしていたから

“Vẽ bằng bút chì mà sao lại không xóa đi được?”

Đó là điều tôi đã nghĩ tại cuộc thi vẽ phác họa ở trường tiểu học, sau khi vẽ phác bằng bút chì vào giấy rồi tô màu nước vào, tôi cố gắng dùng tẩy xóa những nét vẽ phác đó đi nhưng chúng không hề biến mất. Tôi vừa lầy lăm lạ, vừa thất vọng vì không thể hoàn thành bức tranh như mình kì vọng.

Và gần đây tôi đã tìm ra lời giải đáp cho thắc mắc này trên một trang web nọ. Trên trang web đó có viết giải thích cho ban đầu có thể xóa nét bút chì thường bằng tẩy nhưng tại sao lại không thể xóa nét bút chì màu.

Theo giải thích đó, nghe nói là do nguyên liệu làm ruột bút chì thường và bút chì màu khác nhau. Ruột bút chì thường làm từ đất sét và than chì, ruột bút chì màu làm từ bột màu và sáp. Than chì và bột màu là thứ tạo màu cơ bản. Nếu giải thích một cách đơn giản trạng thái chữ được viết trên giấy của từng loại bút, thì bút chì là trạng thái than chì bị đập vỡ vụn thành những mảnh rất nhỏ rồi dính trên bề mặt giấy, còn bút chì màu thì ở trạng thái bột màu cùng với sáp thấm vào trong giấy. Chính vì thế, than chì chỉ dính trên mặt giấy có thể lấy tách ra khỏi mặt giấy bằng việc cọ cục tẩy lên chỗ đã vẽ. Ngược lại, bột màu đã thấm vào giấy rồi thì không thể nào lấy tách ra được.

Vậy thì cuối cùng, lí do của việc những nét vẽ phác bằng bút chì không thể xóa được sau khi vẽ màu nước lên đã được giải thích. Nghe nói đó là vì loại nước sử dụng để hòa tan màu vẽ. Loại nước này có vai trò tương tự như chất sáp trong lõi bút chì màu. Mà cả nước và chất sáp này đều dễ dàng thấm vào giấy.

## Học online cùng Anh sensei

**Câu hỏi 1** Có viết “thất vọng”, lí do là gì?

- 1 Vì đã không hiểu lí do của việc mình đã nghĩ là kì lạ.
- 2 Vì đã không thể tô màu bằng màu nước giống như kì vọng.
- 3 Vì đã không thể vẽ tranh đẹp bằng bút chì.

**④ Vì đã không thể xóa được những nét vẽ phác bằng bút chì. → Đáp án đúng**

**ヒント** 下書きを消しゴムで消そうとしたのに消えなかったときに思ったことだ。

**Câu hỏi 2** Nếu xóa bằng tẩy chữ được viết bằng bút chì, thì sẽ như thế nào?

- ① Sẽ lấy tách khỏi mặt giấy than chì dính trên mặt giấy. → Đáp án đúng**
- 2 Sẽ làm vỡ vụn than chì dính trên mặt giấy và làm chúng không nhìn thấy được nữa.
- 3 Sẽ lấy tách ra khỏi giấy than chì đã thấm sâu vào trong giấy.
- 4 Làm thấm sâu hơn than chì đã thấm sâu vào trong giấy, và không nhìn thấy chúng nữa.

**ヒント** したがって、表面にくっついているだけの黒鉛は、消しゴムで擦ることで、紙から引き離すことができる。

**Câu hỏi 3** Sau khi tô màu nước, tại sao lại không thể xóa nét vẽ phác bằng bút chì?

- 1 Vì không thể lấy đi lớp than chì đã bị làm vỡ vụn.
- 2 Vì than chì đã dính vào mặt giấy do màu vẽ.
- ③ Vì than chì đã thấm sâu vào giấy do nước. → Đáp án đúng**
- 4 Vì than chì có chức năng tương tự chất sáp.

**ヒント** 水性絵の具を溶かすのに使う水のせい…

この水が、色鉛筆の芯の油分と同じ役割を果たすという。水も油も紙にしみ込みやすいのだ…

問題 12 次の A と B の文章を読んで、後の問いに対する答えとして最もよいものを、  
1・2・3・4 から一つ選びなさい。

A

子どもを育てるときは、悪いところをしかるのではなく、よいところをほめるほうが  
いいと思います。子どもはすなおですから、ほめられたことをそのまま受け入れ、行動  
や態度に自信を持つことができます。そしてそれが成長につながっていくのです。

ただし、ほめるときにも注意が必要です。「いい成績をとって、違いね。」と結果だ  
けをほめるのは好ましくありません。そうではなく、「毎日漢字の練習をしてがんばっ  
たから、いい成績がとれたんだね。すごいね。」とか「今日の試合は負けてしまったけ  
ど、いいプレーをしていたね。練習の成果が見られたよ。」というように、それまでの  
取り組みをほめるようにすると、子どものやる気を引き出すことができます。

B

よく「子どもはほめて育てよう」と言われるが、実行するのはなかなか難しい。特別  
なことができたならほめようと思っていると、どうしてもほめる機会が少なくなってい  
まう。それに、大人にとってはできるのが当たり前だということでも、成長過程にある子  
どもにとってはそうではないことも多い。だから、子どもが普段からしていることでも、  
よいと思ったことや長所はどんどんほめるようにしたほうがいい。

誰でもほめられるとうれしいし、ほめられたことは続けていこうと思うものだ。親  
として伸ばしてあげたいと思うことは、どんな小さいことでも積極的にほめることが  
大切だ。

**67** 子どものほめ方について、AとBはどのように述べているか。

- 1 AもBも、結果がよければ積極的にほめたほうが良いと述べている。
- 2 AもBも、当たり前のことではなく特別なことができたならほめたほうが良いと述べている。
- 3 Aはどんな場合でもほめたほうが良いと述べ、Bはよいと思ったことは積極的にほめたほうが良いと述べている。
- 4 Aは結果だけではなく努力もほめたほうが良いと述べ、Bは普段からしていることでもほめたほうが良いと述べている。

**68** AとBは、ほめることで子どもはどのようにになると述べているか。

- 1 AもBも、親の愛情を感じるようになると述べている。
- 2 AもBも、努力の大切さを理解できるようになると述べている。
- 3 Aは自信を持つようになると述べ、Bはほめられたことを続けようとすると言っている。
- 4 Aはすなおに親の言うことを受け入れるようになると述べ、Bは積極的に物事に取り組むようになると述べている。



A

Khi nuôi dạy trẻ, tôi nghĩ là nên khen những điểm tốt của con, chứ không phải là mắng mỏ những điểm xấu của chúng. Vì bọn trẻ rất ngoan, nên chúng sẽ tiếp nhận những gì được khen, có thêm tự tin vào thái độ và hành động. Điều đó sẽ giúp ích cho sự trưởng thành của trẻ.

Có điều là, ngay cả khi khen cũng cần phải chú ý. Sẽ không tốt nếu chỉ khen kết quả, kiểu “con giỏi quá, giành được thành tích tốt như này”. Không phải khen như thế, mà cố gắng khen sự nỗ lực của con đến khi có được kết quả tốt đó, kiểu “Vì ngày nào con cũng cố gắng luyện chữ Hán, nên có được thành tích tốt này. Con giỏi quá”, hay “Trận đấu hôm nay tuy thua nhưng con đã chơi rất đẹp. Bố mẹ thấy được thành quả luyện tập rồi đó”...Khen như vậy, có thể tạo khơi dậy trong trẻ niềm hứng khởi.

B

Người ta thường nói rằng “hãy nuôi trẻ bằng việc khen”, tuy nhiên việc thực hiện điều này cực kì khó. Nếu luôn nghĩ là con phải làm được điều gì đó đặc biệt thì mới khen thì chắc chắn cơ hội khen sẽ giảm đi. Ngoài ra, có rất nhiều việc mà đối với người lớn chuyện làm được nó là điều đương nhiên, thì đối với trẻ đang trong quá trình trưởng thành lại không phải như thế. Vì vậy, dù là những việc trẻ làm thường xuyên, nếu chúng là sở trường của trẻ hay thứ bạn cho là tốt, thì bạn nên khen nhiều vào.

Ai cũng thế, đúng là khi được khen sẽ vui, và sẽ muốn tiếp tục thực hiện điều mà bản thân được khen đó. Điều quan trọng là bố mẹ nghĩ muốn phát triển những điểm tốt đó của trẻ, thì tích cực khen ngay cả khi đó là việc nhỏ như thế nào chẳng nữa.

**Câu hỏi 1** Về cách khen trẻ, A và B trình bày như thế nào?

- 1 Cả A và B đều cho rằng nếu kết quả tốt thì nên tích cực khen.
- 2 Cả A và B đều cho rằng không phải những việc đương nhiên, mà nếu con làm được điều gì đó đặc biệt thì nên khen.
- 3 A cho rằng nên khen trong mọi trường hợp, B cho rằng những việc mình cho là tốt thì nên tích cực khen.

④ A cho rằng không chỉ kết quả, mà còn nên khen cả sự nỗ lực, B cho rằng nên khen ngay cả những việc trẻ làm thường xuyên. → Đáp án đúng

**ヒント**

A: …結果だけをほめるのは好ましくありません。…それまでの取り組みをほめる…

B: 子どもが普段からしていることでも、…どんどんほめるようにしたほうがいい。

**Câu hỏi 2** A và B trình bày trẻ sẽ như thế nào khi được khen?

1 Cả A và B đều cho rằng trẻ sẽ cảm nhận được tình yêu thương của bố mẹ.

2 Cả A và B đều cho rằng trẻ sẽ hiểu được tầm quan trọng của nỗ lực.

③ A cho rằng trẻ sẽ có thêm tự tin, còn B cho rằng trẻ sẽ cố gắng thực hiện những việc chúng được khen. → Đáp án đúng

4 A cho rằng trẻ sẽ tiếp nhận một cách ngoan ngoãn những gì bố mẹ nói, B cho rằng trẻ sẽ tích cực chuyên tâm vào các sự việc.

ヒント

A: 行動や態度に自信を持つことができます。

子どものやる気を引き出すことができます。

B: 誰でもほめられるとうれしいし、ほめられたことは続けていこうと思うものだ。

問題 13 次の文章を読んで、後の問いに対する答えとして最もよいものを、

1・2・3・4 から一つ選びなさい。

美味しい食べ物や美しい景色。お金や健康や愛。そういったものでは得られない持続的幸せ。それを得るための必要条件は、「困難」です。困難のないところに、持続的幸せはないのです。

困難というものがまったくなかったらどうなるか、ちょっと想像してみてください。欲しいものは何でも手に入る。したいことは何でもできる。すべての欲求が何の苦もなく満たされる。嫌なことは一切しなくていい。すべてが思い通り。そして、あらゆることが順調にいく。だから、「困ったな、どうしたらいいだろう？」と思うことなど、皆無。つまり、問題はまったく起こらない……

「わ、いいな。そうなりたい」と思う人もいるかもしれません。確かに、短期間ならこういう境遇きょうぐうも悪くないかもしれません。しかし、来る日も来る日もそうだったとしたら？間違いなく、退屈たいくつするようになるでしょう。そして、やがて耐えられなくなるはずたです。

なぜなら、そこには自分の能力を発揮はつきする機会がまったくないからです。自分の能力を発揮はつきすべきことが、何も起こらないのです。これほどつまらないことはない。それが毎日続いたら、間違いなく退屈たいくつし、耐えられなくなるでしょう。

そう、私たちが能力を発揮はつきできるのは、困難（問題）に出会ったときです。そのとき始めて、能力を発揮はつきする機会が与えられる。

そして、自分の能力で困難を乗り越えることができたとき、面白さやよろこびを感じるのです。それは、何かからただ受動的に得られる面白さ・よろこびとは異ことなり、自分の力で獲得かくとくする面白さ・よろこびです。また、それは、「やったー」という達成感と、さらに、「自分にはやればできる力があるんだ」という感覚ー「自己効力感じこきりきかん」ーをともなった面白さ・よろこびです。

これが積み重なって、生の充実感と持続的幸せがもたらされる。持続的幸せは、困難にぶつかりながら、自分の能力で何とかそれを乗り越えようと努力しながら生きていくことによって得られるものなのです。つまり、持続的幸せが得られるかどうかは、生き方の問題なのです。

**69** 困難がまったくない状態について、筆者はどう述べているか。

- 1 短期間であっても、生活に飽きてしまうだろう。
- 2 短期間であれば、嫌なことも嫌でなくなるだろう。
- 3 長く続くと、退屈な生活に耐えられなくなるだろう。
- 4 長く続くと、欲しいものが何なのかわからなくなるだろう。

**70** 筆者は困難をどのようにとらえているか。

- 1 自分の能力を生かす機会になる。
- 2 自分の能力を試すために必要だ。
- 3 自分の能力で乗り越えられないことはない。
- 4 自分の能力だけで乗り越えようとしなくてもいい。

**71** 筆者によると、持続的幸せを得るにはどうすればいいか。

- 1 自分の能力に自信がなくても、主体的に生きていく。
- 2 困難を経験し、克服しようとしながら生きていく。
- 3 困難にぶつかっても、困難だと思わずに生きていく。
- 4 あらゆることに面白さやよろこびを見付けながら生きていく。

Món ăn ngon, phong cảnh đẹp. Tiền bạc, sức khỏe hay ái tình - tất cả những thứ này không cho chúng ta một hạnh phúc lâu bền. Khó khăn mới chính là điều kiện cần thiết để có được thứ hạnh phúc ấy. Nơi nào không có khó khăn, nơi đó hạnh phúc chẳng thể tồn tại lâu.

Hãy thử tưởng tượng một chút xem nếu hoàn toàn không có khó khăn thì sẽ như thế nào nhé. Khi ấy, những thứ bạn muốn đều dễ dàng có được, những việc bạn khao khát đều làm được, nói chung là tất cả mọi mong muốn đều được đáp ứng mà không gặp bất kì trở ngại nào. Việc nào ghét thì có thể không làm, mọi thứ đều hanh thông đúng như những gì bạn kì vọng. Vì vậy sẽ thật vô nghĩa nếu trần trở "Gay thật, phải làm thế nào đây?" trong hoàn cảnh không có bất kì khó khăn nào như thế.

Chắc cũng sẽ có người nghĩ "Thích thật, ước gì mình được như thế". Đúng là nếu trong thời gian ngắn thì hoàn cảnh không có khó khăn gì không hề tệ. Thế nhưng, ngày qua ngày mà thế thì sao? Chắc chắn bạn sẽ phát ngán và chẳng sớm thì muộn bạn sẽ điên đầu không thể chịu đựng nổi.

Nếu hỏi tại sao lại nói thế, thì vì bạn sẽ chẳng có cơ hội nào để phát huy thực lực cả. Không xảy ra điều gì cần để bạn có thể làm điều đó. Còn gì chán ngán bằng việc không có thứ để rèn giữa bản thân chứ. Và nếu những ngày này cứ tiếp diễn thì sao? Tôi xin nhắc lại một lần nữa, bạn sẽ phát ngán, điên đầu không thể chịu đựng nổi.

Đúng rồi, thời khắc bạn có thể phát huy được thực lực chính là lúc gặp những khó khăn, hay khi phát sinh vấn đề nào đó. Những lúc ấy, lần đầu tiên bạn được trao cơ hội để thể hiện năng lực.

Khi bạn vượt qua khó khăn bằng chính sức mình, bạn sẽ cảm thấy thú vị và vui. Niềm vui này do bạn tự tay gặt hái, khác hoàn toàn với những gì có được một cách thụ động. Chúng cũng là niềm vui đồng hành cùng cảm giác bạn đã hoàn thành một điều gì đó, đồng hành cùng cảm giác bản thân có năng lực nếu cố gắng thực hiện.

Những niềm vui ấy cứ thế chất chồng, mang lại cho bạn hạnh phúc và sự thỏa mãn trọn vẹn. Hạnh phúc lâu bền là thứ chúng ta có được nhờ việc sống trong khó khăn, cố gắng hết sức dùng năng lực bản thân để khắc phục những khó khăn đó. Vậy điều này đồng nghĩa với việc có thể hạnh phúc lâu bền hay không, là vấn đề ở cách sống của chính bạn.

## Học online cùng Anh sensei

**Câu hỏi 1** Về trạng thái mà hoàn toàn không có khó khăn gì, tác giả trình bày như thế nào?

- 1 Dù là trong thời gian ngắn, ta cũng sẽ cảm thấy chán với cuộc sống đó.
- 2 Nếu là trong thời gian ngắn, những thứ ta ghét sẽ trở thành những thứ ta không còn ghét nữa.
- ③ Nếu tiếp nối lâu dài, ta sẽ không thể chịu đựng được với cuộc sống nhàm chán đó.

→ Đáp án đúng

- 4 Nếu tiếp nối lâu dài, ta sẽ không còn biết thứ mình muốn là gì nữa.

**ヒント** しかし、来る日も来る日もそうだったとしたら？間違いなく、退屈するようになるでしょう。そして、やがて耐えられなくなるはずです。

**Câu hỏi 2** Tác giả trình bày như thế nào về “khó khăn”?

- ① Nó sẽ trở thành cơ hội phát huy năng lực bản thân. → Đáp án đúng

- 2 Nó cần thiết để thử thách năng lực bản thân.
- 3 Không phải là không thể vượt qua nó bằng năng lực bản thân.
- 4 Chỉ bằng năng lực của bản thân thì dù không thể vượt qua nó cũng không sao cả.

**ヒント** そう、私たちが能力を発揮できるのは、困難（問題）に出会ったときです。そのときはじめて、能力を発揮する機会が与えられる。

生かす＝発揮する

**Câu hỏi 3** Theo tác giả, làm thế nào để có được hạnh phúc bền lâu?

- 1 Sống theo cách của chính mình dù không có tự tin vào năng lực bản thân đi nữa.
- ② Sống trải nghiệm những khó khăn, đồng thời cố gắng khắc phục chúng. → Đáp án đúng
- 3 Sống sao cho dù khi gặp khó khăn cũng không nghĩ đó là khó khăn.
- 4 Sống và phát hiện ra niềm vui, sự thú vị trong tất cả mọi thứ.

**ヒント** 困難にぶつかりながら、自分の能力で何とかそれを乗り越えようと努力しながら生きていくことによって得られるものなのです。

困難を経験する ＝ 困難にぶつかる

克服する ＝ 乗り越える

問題 14 右のページは、あるビジネススクールのホームページである。下の問いに対する答えとして、最もよいものを 1・2・3・4 から一つ選びなさい。

72 サラさんは、通学型研修で「ビジネスマナー」について学ぶように上司から指示された。「ビジネスマナー」が学べて、受講料が 4 万円以下なら、自由にコースを選んでいいと言われたので、できるだけ多くの内容を含むものを受けるともりだ。行ける曜日は、金曜日である。サラさんの条件に最も合うコースはどれか。

- 1 A
- 2 B
- 3 C
- 4 D

73 田中さんは、新入社員のための社内研修を企画中で、JB センターの講師出張型研修を利用しようと思っている。申し込みに関して気をつけなければならないことは、次のうちどれか。

- 1 通学型研修プログラムの中から内容を選ばなければならない。
- 2 研修の実施日を月曜から土曜の間で決めなければならない。
- 3 受講者が少ない場合でも、料金は変わらない。
- 4 実施日の 2 か月前にならなければ、申し込みない。

## ビジネス研修のご案内

JB センターでは、ビジネス場面で役立つ様々なコースをご用意しております。ご希望に応じて「通学型研修」、「講師出張型研修」の二つスタイルからお選びいただけます。

### 通学型研修

JB センターのセミナールームで受講していただくスタイルです。お一人様からでも受講可能です。

コース名	内容	開催曜日* <sup>1</sup> (9 月)	受講料
A	ビジネスマナー	①毎週 水曜 9:00～12:00	21,000 円 (3 時間)
		②毎週 金曜 13:00～16:00	
B	電話応対	①毎週 火曜 9:00～12:00	
		②毎週 木曜 13:00～16:00	
C	ビジネス文書	①毎週 金曜 9:00～12:00	35,000 円 (6 時間)
D	● ビジネスマナー ● 電話応対	①毎週 金曜 9:00～16:00	
E	● ビジネスマナー ● ビジネス文書	①毎週 木曜 9:00～16:00	
F	● ビジネスマナー ● 電話応対 ● ビジネス文書	①毎週 月・火曜 (2 日連続) 10:00～16:00	60,000 円 (2 日間)

\* 1 A、B を受講される方法は、①か②のどちらかをお選びください。

### 講師出張型研修

講師が出張し、貴社内で受講していただくスタイルです。通学型研修で実施しているプログラムはもちろん、ご希望に添ったプログラムのご提案、実施が可能です\*<sup>2</sup>。

出張可能な曜日 月～土 (日・祝日をご希望の方は可能な範囲で対応いたします。)

受講対象人数 少人数から 100 名まで対応しています。

料金 研修内容、時間等によって異なりますが、受講者数による料金の増減はございません。貴社のご希望をお伺いした後、お見積もりいたします。

\* 2 講師対応の都合上、実施希望日の 2 か月前までのお申し込みをお願いしています。

研修の詳しい内容、お申し込み方法は、各詳細ページをご覧ください。



## Học online cùng Anh sensei

**Câu hỏi 1** Sara được cấp trên yêu cầu học “tác phong doanh nghiệp” tại buổi đào tạo này. Cô được nói là có thể lựa chọn tự do các khóa học về “tác phong doanh nghiệp”, miễn là phí tham dự giờ học từ 4 man trở xuống. Sara định sẽ cố gắng tham dự buổi đào tạo chứa nhiều nội dung nhất. Ngày có thể đi học là thứ 6. Vậy khóa nào là hợp nhất với các điều kiện của Sara?

1 A

2 B

3 C

④ D → **Đáp án đúng**

+ Cả 4 khóa học A, B, C, D đều có chi phí dưới 4 man.

+ Loại khóa A vì chỉ học được 1 nội dung.

+ Loại khóa B vì không diễn ra vào ngày Sara có thể đi.

+ Loại khóa C vì chỉ học được 1 nội dung.

+ Khóa D thỏa mãn mọi tiêu chí (học được 2 nội dung)

**Câu hỏi 2** Anh Tanaka đang lên kế hoạch đào tạo nội bộ cho những nhân viên mới vào công ty và đang có ý định sử dụng buổi đào tạo mà giảng viên của Trung tâm JB sẽ đến chỗ công ty anh. Điều phải lưu ý liên quan đến việc đăng ký là gì?

1 Phải chọn nội dung từ trong chương trình đào tạo.

2 Phải quyết định ngày tiến hành đào tạo trong khoảng từ thứ hai đến thứ bảy.

③ **Dù trường hợp có ít người tham dự buổi đào tạo, tiền lệ phí tham dự cũng sẽ không đổi.**

→ **Đáp án đúng**

4 Phải đăng ký trước 2 tháng ngày tiến hành đào tạo.

**ヒント**

研修内容、時間等によって異なりますが、受講者数による料金の増減はございません。